

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2810
Ngày: 21/7/2020
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 994/TTr-SCT ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 1155/SCT-QLTM ngày 16 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành ngày kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020 và thay thế Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *AL*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CSDL QG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CV: KT2^{BT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

Nguyễn Văn Phóng

QUY CHẾ

**Xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình
xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 08 / 7/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý, đơn vị chủ trì thực hiện, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu Chương trình

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại (sau đây viết tắt là XTTM), phát triển thị trường trong nước, phát triển ngoại thương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của tỉnh Hưng Yên.
2. Hỗ trợ công tác vận hành hệ thống hạ tầng thương mại tỉnh Hưng Yên.
3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
4. Hỗ trợ phát triển hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương.
5. Gắn kết, lồng ghép các hoạt động XTTM với hoạt động đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình

1. Đơn vị chủ trì gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương; các hội, hiệp hội ngành hàng, các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức liên quan trong tỉnh có đề án XTTM đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí của chương trình quy định tại Quy chế này và được UBND tỉnh phê duyệt.
2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a) Có tư cách pháp nhân;
 - b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện chương trình;
 - c) Có nội dung thiết thực, phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 9, Điều 10 Quy chế này;

d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh;

đ) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động XTTM;

e) Có đầy đủ hồ sơ đề xuất chương trình theo đúng quy định và được Sở Công Thương thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt;

g) Thực hiện Chương trình mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện chương trình; có trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh, các hội, hiệp hội và các tổ chức XTTM Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

3. Ưu tiên hỗ trợ đơn vị tham gia chương trình là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp và các hợp tác xã mới thành lập; sản xuất, kinh doanh sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thống, đặc sản của tỉnh; sản phẩm có thương hiệu, nhãn hiệu đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc có sản phẩm đạt giải cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia, có nhu cầu quảng bá sản phẩm mới.

Điều 5. Cơ quan quản lý chương trình

Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ quản lý chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan phổ biến định hướng phát triển thị trường trong nước và ngoại thương theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Hướng dẫn xây dựng đề án XTTM theo quy định tại Quy chế này;

3. Đánh giá, thẩm định các đề án XTTM, tổng hợp vào kế hoạch XTTM của tỉnh hằng năm và trình UBND tỉnh phê duyệt;

4. Phân bổ kinh phí thực hiện chương trình XTTM trong kế hoạch XTTM hằng năm của tỉnh sau khi được UBND tỉnh phê duyệt;

5. Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc chương trình;

6. Quản lý kinh phí XTTM của tỉnh, phối hợp quản lý kinh phí thuộc chương trình XTTM quốc gia thực hiện tại địa phương;

7. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chương trình XTTM báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 6. Kinh phí thực hiện chương trình

1. Kinh phí thực hiện chương trình từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình XTTM quốc gia tại địa phương;
- b) Ngân sách tỉnh phân bổ theo kế hoạch hằng năm;
- c) Đóng góp của các đơn vị tham gia chương trình;
- d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- đ) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí chương trình XTTM địa phương được sử dụng cho mục đích sau:

- a) Chi cho các nội dung XTTM quy định tại Điều 9, Điều 10 của Quy chế này;
- b) Chi cho hoạt động quản lý chương trình XTTM của tỉnh.

Điều 7. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia Chương trình thông qua các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

2. Đơn vị chủ trì và các đơn vị tham gia chương trình phải bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành và theo Quy chế này.

3. Trong cùng một nội dung, đối tượng thụ hưởng đã được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước thì không được xem xét, hỗ trợ từ nguồn kinh phí XTTM này.

Điều 8. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí XTTM và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Sau khi được UBND tỉnh giao kế hoạch, Sở Công Thương tiến hành xây dựng chương trình theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của chương trình không vượt quá tổng dự toán được giao, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Công Thương quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chương trình cho từng đơn vị; ký hợp đồng, kiểm tra, giám sát và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ với đơn vị chủ trì thực hiện chương trình.

4. Sở Công Thương thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí XTTM theo quy định.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Hoạt động XTTM phát triển ngoại thương

1. Tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài.

a) Nội dung thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động XTTM phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

b) Nội dung hỗ trợ đối với đơn vị chủ trì: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, các hình thức quảng bá của hội chợ, triển lãm; tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm, đoàn doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm; thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí tổ chức khai mạc, bế mạc gồm giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; tổ chức hội thảo gồm chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả; trình diễn sản phẩm gồm thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch; công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình và chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

c) Đối với đơn vị tham gia: Căn cứ vào nguồn kinh phí được phân bổ sẽ xem xét hỗ trợ tối đa không quá 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*)/đơn vị/năm.

2. Tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với các sản phẩm xuất khẩu.

a) Nội dung thực hiện: Nội dung thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Nội dung hỗ trợ đối với đơn vị chủ trì: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm; tổ chức, dàn dựng gian hàng gồm thiết kế tổng thể và chi tiết; dàn dựng gian hàng; trang trí chung. Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

c) Đối với đơn vị tham gia: Căn cứ vào nguồn kinh phí được phân bổ sẽ xem xét hỗ trợ tối đa không quá 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*)/đơn vị/năm.

3. Tổ chức hội chợ, triển lãm tại Hưng Yên đối với các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà trong nước sản xuất.

a) Nội dung thực hiện: Nội dung thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Nội dung hỗ trợ: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm. Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

4. Xây dựng khu vực trung bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên cổng thông tin điện tử, mạng thương mại điện tử, mạng internet, mạng viễn thông.

Nội dung hỗ trợ: Mở tài khoản trên sàn giao dịch thương mại điện tử; duy trì tư cách thành viên; quản lý gian hàng chung trực tuyến (cập nhật hình ảnh, thông tin, giá cả mỗi sản phẩm theo danh mục của sàn thương mại điện tử, xác nhận đơn hàng, thông báo kho xuất hàng, tiếp nhận thông tin về các vấn đề phát sinh sau bán hàng); quảng bá gian hàng chung thông qua mạng xã hội, công cụ tìm kiếm trên internet; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

5. Tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài.

a) Nội dung hỗ trợ đối với đơn vị chủ trì: Tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương (tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp); tổ chức hội thảo giao thương gồm hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm; công tác phí đối với các thành viên tham gia đoàn là cán bộ, công chức, viên chức; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ cho 01 người/ đơn vị tham gia: Tiền vé máy bay, vé tàu, vé xe khứ hồi từ Việt Nam đến nước công tác; vé máy bay, vé tàu xe trong nội địa nước đến công tác; chi phí ăn, ở, chi phí vận chuyển hàng mẫu. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*)/đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại Châu Á; không quá 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*)/đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; không quá 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*)/đơn vị tham gia giao dịch tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

6. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp trong tỉnh.

Nội dung hỗ trợ gồm: Tuyên truyền, quảng bá (mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam; tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp Việt Nam); tổ chức hội thảo và giao thương (hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ); tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì gồm công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, buru chính, điện thoại, văn phòng phẩm; chi phí ăn, ở, đi lại tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài tham gia (không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/doanh nghiệp nước ngoài); vé máy bay khứ hồi, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam cho người của đơn vị đối tác tổ chức đưa đoàn vào Việt Nam (không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/đoàn có quy mô tối thiểu 03 doanh nghiệp nước ngoài); các khoản chi khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

7. Tổ chức hội nghị quốc tế tại Hưng Yên về ngành hàng xuất khẩu.

Nội dung hỗ trợ: Mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam; tổ chức giới thiệu, thông tin về Hội nghị quốc tế ngành hàng; hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì gồm công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

8. Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics.

Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

9. Mời đoàn doanh nghiệp đến tỉnh Hưng Yên trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics

Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 6 Điều này.

10. Tổ chức diễn đàn logistics tại Hưng Yên; tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế về logistics tại Hưng Yên.

Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 7 Điều này.

11. Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung hỗ trợ: Thu thập, mua thông tin, cơ sở dữ liệu về ngành hàng, thị trường, sản phẩm trong nước và nước ngoài; tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu; biên tập, xây dựng báo cáo, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm thông tin khác; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

12. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

Nội dung hỗ trợ: Xây dựng tài liệu hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức phổ biến, tập huấn gồm hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; phổ biến trên các phương tiện thông tin truyền thông; giảng viên, báo cáo viên gồm thù lao, ăn, ở, đi lại; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

13. Tổ chức hoặc tham gia các chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung hỗ trợ: Xây dựng báo cáo nghiên cứu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

14. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung hỗ trợ: Thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, biên soạn, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; chi phí đi lại, ăn nghỉ đối với đại biểu khách mời trung ương và đại biểu ngoại tỉnh; chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ cho cán bộ quản lý chương trình; chi phí tuyên truyền, quảng bá; bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; các khoản chi khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

15. Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế.

Nội dung hỗ trợ: Biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; biên dịch, phiên dịch; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; giảng viên, báo cáo viên gồm thù lao, ăn, ở, đi lại; hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì gồm công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại; các khoản chi khác (nếu có). Hỗ trợ tối đa 50% học phí trọn gói của khoá học.

16. Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm.

Nội dung hỗ trợ: Thuê chuyên gia gồm thù lao, ăn, ở, đi lại hoặc hợp đồng trọn gói; hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; các khoản chi khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

17. Tổ chức hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế.

Nội dung hỗ trợ: Tuyên truyền, quảng bá mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm. Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

18. Tổ chức tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về doanh nghiệp, các mặt hàng chủ lực, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm đặc trưng của tỉnh ra thị trường nước ngoài trên các phương tiện truyền thông trong nước và nước ngoài.

Nội dung hỗ trợ: Thuê tư vấn xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá; thực hiện sản phẩm tuyên truyền, quảng bá; xây dựng sản phẩm tuyên truyền, quảng bá: Thiết kế, thu thập tư liệu, viết bài, sản xuất phim, ảnh, sản phẩm truyền thông; tuyên truyền, quảng bá, phát hành tại các sự kiện xúc tiến thương mại và trên các phương tiện thông tin truyền thông; chi phí khác (nếu có). Chương trình xây dựng và thực hiện theo kế hoạch liên tục tối thiểu 03 năm, tối đa 05 năm đối với 01 thị trường mục tiêu. Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

19. Tổ chức, tham gia khóa đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo (trực tiếp và trực tuyến).

a) Nội dung hỗ trợ đối với tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại; học phí trọn gói của khóa học.

b) Nội dung hỗ trợ đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ tối đa 50% học phí của khóa học.

20. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

Nội dung hỗ trợ: Biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; biên dịch, phiên dịch; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; giảng viên, báo cáo viên gồm thù lao, ăn, ở, đi lại; hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì gồm công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại; các khoản chi khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

21. Xây dựng và phát hành các ấn phẩm, tài liệu đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

Nội dung hỗ trợ: Thu thập, xây dựng tài liệu, ấn phẩm; biên dịch; in ấn tài liệu, ấn phẩm; phát hành dưới dạng bản in (in ấn, phát hành), ấn phẩm điện tử hoặc phổ biến tại các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì gồm bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; chi phí khác (nếu có). Nội dung chi theo thực tế phát sinh và mức chi theo các quy định hiện hành.

22. Các hoạt động XTTM khác do UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Hoạt động XTTM phát triển thị trường trong nước

1. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn, giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng của tỉnh và của doanh nghiệp Hưng Yên tại các tỉnh.

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50%, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/đơn vị tham gia đối với các khoản chi phí: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ gồm điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm.

b) Mức hỗ trợ 100% các chi phí thực hiện gian hàng chung của tỉnh do Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại thực hiện, tham gia hội chợ triển lãm thương mại bao gồm: Chi phí vận chuyển, thuê mặt bằng gian hàng, trang trí gian hàng và công tác phí cho cán bộ thực hiện chương trình.

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, về các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị.

Nội dung hỗ trợ: Chi phí vận chuyển; chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng; dịch vụ phục vụ gồm điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; trang trí

chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng; tổ chức khai mạc, bế mạc gồm giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 105.000.000 đồng (*một trăm linh năm triệu đồng*)/đợt bán hàng (một đợt bán hàng có tối thiểu 05 doanh nghiệp tham gia với quy mô từ 10 - 15 gian).

3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước, giới thiệu về doanh nghiệp, quảng bá sản phẩm lợi thế, các mặt hàng chủ lực của tỉnh qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Mức hỗ trợ là 100% các khoản chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng tối đa không quá 95.000.000 đồng (*chín mươi lăm triệu đồng*)/chuyên đề tuyên truyền đối với đơn vị chủ trì theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Tổ chức các sự kiện XTTM thị trường trong nước: Tháng Khuyến mãi, Tuần hàng Việt Nam, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, sản phẩm đặc trưng của tỉnh, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm và điểm bán hàng Việt.

Mức hỗ trợ 50% các khoản: Chi phí vận chuyển; chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng, trang trí tổng thể khu tổ chức sự kiện XTTM; dịch vụ phục vụ gồm điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; trang trí chung của khu vực tổ chức; tổ chức khai mạc, bế mạc gồm giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí tuyên truyền, quảng bá; các khoản chi khác (nếu có) đối với đơn vị chủ trì theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

5. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn nâng cao nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh, kỹ năng, nghiệp vụ xúc tiến thương mại, kỹ năng phát triển thị trường trong nước; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng phát triển thị trường trong nước.

Mức hỗ trợ 100% đối với các khoản chi: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có) hoặc học phí trọn gói của khóa học đối với đơn vị chủ trì theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

6. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do UBND tỉnh quyết định.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 11. Xây dựng chương trình, đề án xúc tiến thương mại

1. Các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình gửi bản đăng ký hoạt động XTTM đến Sở Công Thương trước ngày 15/8 hằng năm. Sở Công Thương thẩm định, tổng hợp vào kế hoạch, dự toán năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sau khi kế hoạch năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Công Thương chỉ đạo các đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia thực hiện chương trình lập đề án XTTM chi tiết, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Các đề án XTTM phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị tham gia thực hiện chương trình;
- b) Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 9, Điều 10 Quy chế này;
- d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

4. Sở Công Thương chịu trách nhiệm công bố công khai nội dung chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt trên trang web của Sở để các đơn vị biết, đăng ký tham gia.

Điều 12. Điều chỉnh, chấm dứt thực hiện đề án

Đề án XTTM được xem xét điều chỉnh, chấm dứt thực hiện trong những trường hợp sau:

1. Các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình gửi văn bản báo cáo lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án XTTM gửi Sở Công Thương.

2. Trong trường hợp điều chỉnh, thay đổi nội dung thực hiện của đề án đã được phê duyệt mà không làm thay đổi tổng dự toán và không thay đổi mục tiêu chương trình, đơn vị chủ trì phải có văn bản gửi Sở Công Thương đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung thực hiện đề án. Sau khi được nhận được văn bản đề nghị, Sở Công Thương xem xét trả lời bằng văn bản; trường hợp điều chỉnh, thay đổi nội dung thực hiện của đề án đã được phê duyệt mà thay đổi tổng dự toán và thay đổi mục tiêu chương trình, Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh quyết định.

3. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

1. Sở Công Thương:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ trì xây dựng và thực hiện các đề án XTTM theo Quy chế này; đánh giá, thẩm định các đề án XTTM.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm các đề án XTTM được thực hiện có hiệu quả, đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

c) Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì đề án XTTM vi phạm các quy định của Quy chế này và các quy định có liên quan.

d) Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo UBND tỉnh những vấn đề ngoài quy định của quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.

đ) Tổng kết việc thực hiện quy chế; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy chế trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài chính:

Thẩm định chương trình theo đề nghị của Sở Công Thương, trình UBND tỉnh phê duyệt; thẩm định và xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh; thông báo nội dung Quy chế này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thuộc đơn vị, địa phương mình quản lý biết, thực hiện.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì thực hiện chương trình

1. Tổ chức thực hiện đề án thuộc chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được giao; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về các nội dung chi theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế này.

2. Đối với nội dung đề án có nhiều đơn vị tham gia chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp các tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của từng đơn vị.

4. Đình chỉ tham gia thực hiện chương trình năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị tham gia không báo cáo kịp thời khả năng không thực hiện được đề án đã đăng ký thực hiện trong năm cho đơn vị chủ trì thực hiện chương trình.

5. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc các nội dung của đề án; định kỳ gửi báo cáo tình hình thực hiện đề án về Sở Công Thương (báo cáo 6 tháng trước ngày 31/7, số liệu báo cáo tính đến thời điểm 30/6; báo cáo năm trước ngày 15/01 năm kế tiếp, số liệu báo cáo tính đến thời điểm 31/12).

6. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị tham gia thực hiện chương trình

1. Phối hợp chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc các quy định, đầy đủ các nội dung khi tham gia các chương trình theo hướng dẫn của đơn vị chủ trì, đảm bảo tham gia thực hiện chương trình có hiệu quả.

2. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án XTTM; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu, thông tin đã cung cấp;

3. Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi kết thúc từng nội dung chương trình; chấp hành các chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền đối với khoản kinh phí được hỗ trợ khi được yêu cầu.

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí XTTM của tỉnh đạt hiệu quả sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ từ chương trình XTTM theo Quy chế này phải hoàn trả và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia thực hiện chương trình phản ánh về Sở Công Thương bằng văn bản để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng